

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2018

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2018 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1984. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày: Bà và ông Lê Văn V chung sống như vợ chồng vào năm 2007 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc do ông V thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà nhiều lần, bà có khuyên nhủ nhưng ông V vẫn cứ nhậu nhẹt say sưa kiếm chuyện đánh đập bà. Ông bà không còn chung sống cùng nhau đã hơn 3 năm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống cùng ông V nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Quá trình chung sống có một con tên Nguyễn Thị Lan A, giới tính nữ, sinh ngày 25/5/2008, hiện con đang sống cùng T, khi ly hôn bà yêu cầu

được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt và không có mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 27/8/2018 ông Lê Văn V trình bày: Về phần hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung ông thống nhất với lời trình bày của bà T. Ông bà chung sống như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống không hạnh phúc thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nên tình cảm ngày càng phai nhạt, ông bà không còn chung sống cùng nhau đã hơn 3 năm. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng bà T nên đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống có một con tên Nguyễn Thị Lan A, giới tính nữ, sinh ngày 25/5/2008, ly hôn ông đồng ý giao con cho T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà T, ông V là vợ chồng. Về con chung: Áp dụng Điều 15, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của cháu A muốn sống với mẹ. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Lê Văn V đang cư trú tại tổ 5, ấp N, xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Văn V có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Văn V chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà thường xảy ra mâu thuẫn nên không có hạnh phúc. Theo bà T trình bày nguyên nhân chung sống không có hạnh phúc là ông V thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà T nhiều lần, bà có nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông V không thay đổi, bà T nhận thấy tình cảm không còn và không thể tiếp tục chung sống cùng ông V nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông V. Theo ông V trình bày quá trình chung sống với bà T không có hạnh phúc, thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi nên tình cảm ngày càng phai nhạt, ông bà không còn chung sống cùng nhau đã hơn 3 năm, ông nhận thấy tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà T. Bà T, ông V chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, khoản 2 quy định như sau *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Văn V là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông bà có một người con chung tên Nguyễn Thị Lan A, giới tính nữ, sinh ngày 25/5/2008, hiện nay con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, ông V cũng thống nhất ý kiến của bà T, ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét theo nguyện vọng của cháu A có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà T. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Tài sản và nợ chung: Bà T, ông V đều trình bày không có tài sản chung và cũng không có nợ nần gì ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T khởi kiện nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Hồng T và ông Lê Văn V là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lan A, giới tính nữ, sinh ngày 25/5/2008 cho bà Nguyễn Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà Nguyễn Hồng T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lê Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Tài sản và nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không phải giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001184 ngày 24 tháng 8 năm 2018, nay bà T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tp.H;
- Chi cục THADS Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Phước Thành